

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HS-ST
Ngày 23-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Bé
- Ông Hồ Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Phục - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2022, đối với:

- Bị cáo Nguyễn Văn S, sinh năm 1988; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn M, sinh năm 1952 và bà Trần Thị N, sinh năm 1957; tiền án: Có 02 tiền án. Ngày 13/4/2007, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 8 tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/9/2007 (Ngày 24/9/2007, bị cáo S đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm 100.000 đồng; còn lại 600.000 đồng tiền bồi thường cho Nguyễn Thành C thì bị cáo S chưa thi hành) và ngày 25/6/2013, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 14 năm tù, về tội: “Hiếp dâm trẻ em”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/10/2020 (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 14/LCĐKNCT, ngày 03/3/2022 của Công an huyện T.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp và có

mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Phan Bé T, sinh năm 1989, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lê Đình H, sinh năm 1968, vắng mặt.

Địa chỉ: C14/5/ KP4, phường T, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

1. Trần Vũ C, sinh năm 1980, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Quốc B, sinh năm 1992, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 18/01/2022, Nguyễn Văn S điều khiển xe mô tô biển số: 59 M1 - 79.131 đến tiệm sửa chữa, mua bán và cầm điện thoại di động của Phan Bé T, tạm trú ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để chuộc lại điện thoại di động. Khi đến tiệm điện thoại thấy đóng cửa, S ở bên ngoài đợi khoảng 30 phút thì nảy sinh ý định trộm tài sản. Quan sát không thấy người đi qua lại, S leo lên hàng rào nhà T (cặp vách tiệm điện thoại T) rồi đi vào bên trong, T đến tủ điện thoại mở học tủ lấy 09 điện thoại di động (hiệu Oppo, Iphone, Realme) và tiền Việt Nam 531.000 đồng. Đến 22 giờ cùng ngày, T đi chơi về đến tiệm điện thoại gặp Nguyễn Văn S đến chuộc điện thoại di động, T đến tủ lấy điện thoại đưa cho S phát hiện bị mất điện thoại và tiền như đã nêu trên. T kêu S ngồi chờ và mở camera trong tiệm lên xem phát hiện S là người đã đột nhập vào cửa tiệm lấy trộm tài sản trên, T báo Công an đến mời S về trụ sở làm việc và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Quá trình điều tra, S thừa nhận do không có tiền tiêu xài cá nhân nên mới thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 10/KLĐGTS ngày 10/02/2022 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu đen, sau lưng có 04 cái camera, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là: 4.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J4⁺, màu trắng, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là: 1.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu xanh, phân dưới góc màn

hình bị bể, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là: 1.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 51, màu đen, không nắp lưng, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là: 1.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71, màu vàng, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là: 700.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A52, màu xanh ngọc, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là: 2.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu vàng, phần giữa bên trái nắp ốp lưng bị bể, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là: 1.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu xanh đen, kính camera bị bể, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là: 1.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7, màu đỏ, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là: 1.500.000 đồng. *Tổng cộng 09 điện thoại trên, giá trị định giá: 14.700.000 đồng.*

Tang vật thu giữ của:

- Nguyễn Văn S, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu đen, sau lưng có 04 cái camera; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J4⁺, màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 51, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71, màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A52, màu xanh ngọc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu vàng (phần giữa bên trái nắp ốp lưng bị bể); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu xanh đen (kính camera bị bể); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7, màu đỏ; 01 xe mô tô biển số: 59 M1 - 79.131, hiệu Honda, màu nâu, số máy: 100ME5003398, số khung: C100M5003398, (tất cả tài sản đã qua sử dụng); tiền Việt Nam 531.000 đồng.

- Nguyễn Quốc B, gồm: 01 đĩa DVD-R, hiệu Maxell 4.7GB (bên trong có 03 đoạn clip được cắt ra từ đầu thu hiệu Hikvision, cụ thể: 01 đoạn clip ghi lúc S đột nhập vào tiệm điện thoại T “dung lượng 64MB”; 01 đoạn clip ghi lúc S đang thực hiện hành vi trộm tài sản “dung lượng 181MB”; 01 đoạn clip ghi lúc S đi ra “dung lượng 75,8MB”.

Tại Cáo trạng số: 23/CT-VKS-TN ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” xảy ra ngày 28/5/2022 theo Lệnh tạm giam số: 17/LTG ngày 10/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an

huyện T, tỉnh Đồng Tháp và Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Đồng Tháp đang thụ lý điều tra nên không xem xét trong vụ án này.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S, phạm tội “Trộm cắp tài sản” mức án từ 03 năm đến 04 năm tù. Tình tiết tăng nặng: Không.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Nguyễn Văn S khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Bản kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐGTS ngày 10/02/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T; Biên bản khám nghiệm hiện trường và Sơ đồ hiện trường ngày 19/01/2022, Bản ảnh hiện trường; Lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn S đã bị áp dụng tái phạm, chưa được xóa án tích tại Bản án số: 652/2013/HSPT ngày 25/6/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội vào khoảng 21 giờ ngày 18/01/2022, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số: 59 M1 - 79.131 đến tiệm điện thoại di động của Phan Bé T ở ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để chuộc lại điện thoại di động. Khi đến tiệm điện thoại thấy đóng cửa, bị cáo leo lên hàng rào nhà T (cấp vách tiệm điện thoại T) đi vào bên trong, bị cáo đến tủ điện thoại mở học tủ lấy 09 điện thoại di động (hiệu Oppo, Iphone, Realme) theo Kết luận định giá, tài sản

chiếm đoạt 09 điện thoại di động trên có tổng giá trị định giá 14.700.000 đồng và Tiền Việt Nam là 531.000 đồng, tổng cộng giá trị là: 15.231.000 đồng.

Trong thời gian khởi tố, điều tra, xét xử cho tại ngoại đến ngày 28/5/2022 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” theo Lệnh tạm giam số: 17/LTG ngày 10/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Đối với hành vi này Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Đồng Tháp đang thụ lý điều tra nên không xem xét trong vụ án này.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo làm ruộng thu nhập thấp nên không áp dụng.

[4] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phần nộ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được điều này nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; có cha ruột Nguyễn Tấn M được Chủ tịch nước tặng “Huy chương kháng chiến hạng nhất” ngày 17/08/2001 nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự. Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với 09 điện thoại di động và tiền Việt Nam 531.000đồng đã thu giữ. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh quyền sở hữu của Phan Bé T, tài sản không bị hư hỏng nên Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho T tài sản như đã nêu trên, T không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe mô tô biển số: 59 M1 - 79.131 do bị cáo Nguyễn Văn S dùng làm phương tiện phạm tội là thuộc quyền sở hữu của Lê Đình H, sinh năm 1968, ngụ: C14/5/KP4, phường T, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh. Vào năm 2018, H cho Nguyễn Thanh T (em vợ H) xe mô tô trên và toàn quyền định đoạt,

nhưng T chưa sang tên sở hữu. Đến Ngày 18/01/2022, T (anh ruột bị cáo S) cho bị cáo S mượn xe mô tô trên đi chở lục bình, không biết bị cáo S dùng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho T nhận lại xong, không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với 01 đĩa DVD-R, hiệu Maxell 4.7GB, bên trong có 03 đoạn clip được cắt ra từ đầu thu hiệu Hikvision (cụ thể: 01 đoạn clip ghi lúc S đột nhập vào tiệm điện thoại T “dung lượng 64MB”; 01 đoạn clip ghi lúc S đang thực hiện hành vi trộm tài sản “dung lượng 181MB”; 01 đoạn clip ghi lúc S đi ra “dung lượng 75,8MB”), thu giữ của Nguyễn Quốc B ghi nhận lại hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn S. Xét thấy, đây là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo S nên tịch thu lưu hồ sơ là phù hợp theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) đĩa DVD-R, hiệu Maxell 4.7GB, bên trong có 03 đoạn clip được cắt ra từ đầu thu hiệu Hikvision (cụ thể: 01 đoạn clip ghi lúc bị cáo S đột nhập vào tiệm điện thoại T “dung lượng 64MB”; 01 đoạn clip ghi lúc bị cáo S đang thực hiện hành vi trộm tài sản “dung lượng 181MB”; 01 đoạn clip ghi lúc bị cáo S đi ra “dung lượng 75,8MB”). Vật chứng này đang lưu trong hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hứa Quang Thông